TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 13- 01 -2021
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Nguyễn Thị Trúc
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335 /2020/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1993, có mặt.
HKTT: Thôn 4, xã T1, huyện T, Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Nguyễn Lương N - sinh năm 1994, có mặt.
Địa chỉ: Thôn 4, xã T1, huyện T, Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị D trình bày: chị và anh Nguyễn Lương N đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2015 trên cơ sở tự nguyện, tại ủy ban nhân dân xã T1, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng luôn có nhiều mâu thuẫn do anh Nghị tính tình gia trưởng, không chịu đi làm, không chăm lo đến vợ con, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, chị D đưa con về nhà mẹ đẻ để ở, vợ chồng anh chị không còn quan tâm đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn với chị Nguyễn Lương N.

Về con chung: Chị D trình bày, vợ chồng có 01 con chung với nhau, tên cháu là Nguyễn Lương Q, sinh ngày 11/04/2017, hiện nay cháu đang sống cùng chị D. Ly hôn, nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Hiện nay mặc dù chị chưa có nhà cửa ổn định, nhưng đang chung sống tại nhà mẹ đẻ, chị D đang làm công nhân thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/ tháng, chị khẳng định đủ điều kiện về kinh tế, sức khoẻ và dành được nhiều thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con tốt nhất, yêu cầu anh N có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 01/2021cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Lý do của việc chị D yêu cầu anh Nghị cấp dưỡng cho cháu Q 2.000.000đ/ tháng vì: Để anh N thực hiện nghĩa vụ của người cha đối với con và chị được biết hiện nay anh N đã bắt đầu đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, anh N đã có thu nhập ổn định.

Về tài sản và phần nợ: Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Lương N trình bày việc đăng ký kết hôn như chị D trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng bất đồng nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, dẫn đến vợ chồng chiến tranh lạnh không nói chuyện với nhau, anh Nghị trình bày thời gian vợ chồng sống chung với nhau, anh có làm việc kiếm tiền cùng chị D xây dựng kinh tế, do anh chỉ ở nhà, ai thuê gì làm nấy nên mức thu nhập không cao và công việc không ổn định. Vợ chồng đã sống ly thân, chị D đưa con về mẹ đẻ để ở, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nguyện vọng của anh N muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị D vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N trình bày vợ, chồng anh chị có 01 người con chung như chị D trình bày là hoàn toàn đúng, hiện nay cháu Nguyễn Lương Q đang ở cùng chị D. Ly hôn anh N cũng xin được nuôi con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, còn nếu chị Dung nuôi con anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện tại anh N cũng không có nhà cửa ổn định, nhưng anh đang làm công nhân tại công ty TalWay, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ, anh cũng cam đoan đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dạy cháu Q trong môi trường tốt.

Về tài sản và phần nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự ; Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Lương N; Về con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lương Q, anh N phải đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nghị phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Lương N đăng ký kết hôn ngày 21/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, anh N chưa thật sự cố gắng để đi làm, giúp gia đình ổn định kinh tế, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, dẫn đến sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Lương N đều thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Xét yêu cầu của anh, chị thì thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh N.

[2]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Nguyễn Lương Q, sinh ngày 11/04/2017 hiện nay các cháu đang sống cùng chị D. Ly hôn chị D, anh N đều có nguyện vọng được nuôi cháu Q. Nếu được nuôi con, chị D yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh N không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị D và anh N đều chính đáng. Anh, chị đều tha thiết xin được nuôi con, cả anh và chị đều có khả năng, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như nhau. Thu nhập hằng tháng của anh chị đều ổn định. Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại UBND xã T1 về nguyên nhân tranh chấp, hoàn cảnh gia đình của chị D và anh N, qua xác minh xác định nguyên nhân tranh chấp là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế, hiện nay cả anh và chị đều đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, có thu nhập ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Q, nhằm ổn định về tâm lý, sức khỏe

cho bé, căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Lương Q cho chị D tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Nghị có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[3].Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[4]. Về án phí***:** Chị D, anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Lương N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lương Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị D và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu Q thì anh Nghị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004237 ngày 03 tháng 11 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn, chị D đã nộp đủ. Anh Nguyễn Lương N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho anh, chị được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thọ Bình*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy